

**BỘ QUỐC PHÒNG
TRUNG TÂM NHIỆT ĐỐI
VIỆT - NGA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1201/TTNDVN-KHKH
V/v hướng dẫn bổ sung một số nội
dung nhiệm vụ KH&CN hỗn hợp
Việt-Nga năm 2020

Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2020

Kính gửi: Các đơn vị

Căn cứ Quy chế mới về Trung tâm Nhiệt đới Việt-Nga đã được Đồng chủ tịch Ủy ban phối hợp phê duyệt ngày 04 tháng 12 năm 2019;

Căn cứ Kế hoạch nhiệm vụ hợp tác giữa phía Việt Nam với phía Nga năm 2020 đã được Đồng Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 21 tháng 01 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 406/QĐ-TTNDVN ngày 19 tháng 02 năm 2020 về việc giao nhiệm vụ và triển khai kế hoạch NCKH hỗn hợp Việt-Nga năm 2020;

Căn cứ Công văn số 463/TTNDVN-KHKH ngày 11 tháng 3 năm 2020 về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán nhiệm vụ hỗn hợp Việt-Nga năm 2020;

Sau thời gian thảo luận, thống nhất với phía Nga của Trung tâm, Phòng Kế hoạch khoa học hướng dẫn bổ sung các đơn vị một số nội dung khi xây dựng Kế hoạch nghiên cứu, Dự toán và ứng kinh phí đề tài KH&CN hỗn hợp Việt-Nga (sau đây gọi chung là đề tài UBPH) năm 2020 như sau:

1. Về Kế hoạch nghiên cứu

Chủ nhiệm/người thực hiện chính đề tài (gọi chung là Chủ nhiệm đề tài) phía Việt Nam trao đổi với đồng Chủ nhiệm đề tài phía Nga xây dựng Kế hoạch nghiên cứu của đề tài (mẫu số 2 có điều chỉnh) cho cả năm 2020 (không làm theo từng quý hoặc từng chuyên công tác).

2. Về dự toán kinh phí:

Căn cứ Kế hoạch nghiên cứu, đồng Chủ nhiệm đề tài xây dựng Dự toán kinh phí quỹ chung cho cả năm 2020 (mẫu số 3). Một số điểm cần lưu ý:

- Phần II (phần chi phía Nga phục vụ NCKH): chỉ dự toán các nội dung chi để thực hiện công việc nghiên cứu trên lãnh thổ Việt Nam;

- Phần IV (phần chi phía Nga: công tác phí, đi lại...): dự toán theo định mức quỹ chung. Chỉ đưa vào dự toán:

+ Tiền công tác phí và tiền phòng nghỉ trong thời gian thực hiện công việc nghiên cứu, đã ngoại bên ngoài Cơ sở chính (tại các Trạm, đến các đơn vị...);

+ Tiền đi lại (vé máy bay, vé tàu, xăng xe) trên lãnh thổ Việt Nam.

+ Đối với các đề tài không sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách Quỹ chung, thì không dự toán Phần IV.


3. Về cách thức tạm ứng kinh phí:

Thực hiện như hướng dẫn tại Công văn số 1085/TTNDVN-KHKH ngày 22 tháng 4 năm 2020. Một số điểm lưu ý:

- Đối với 2 Chi nhánh: Chủ nhiệm đề tài trình Đề nghị tạm ứng kinh phí (mẫu số 4CN) kèm theo phụ lục (mẫu số 5). Ban Kế hoạch khoa học và Ban Tài chính có trách nhiệm rà soát, thẩm định đề nghị tạm ứng và trình Đồng Giám đốc Chi nhánh phê duyệt nếu đề nghị tạm ứng phù hợp với Kế hoạch nghiên cứu và Dự toán quỹ chung năm 2020 đã được Đồng Tổng Giám đốc phê duyệt.

- Nếu có sự thay đổi trong đề nghị tạm ứng kinh phí so với Dự toán năm đã được phê duyệt, Đồng chủ nhiệm đề tài phải làm tờ trình có xác nhận của đơn vị chủ trì giải thích rõ lý do thay đổi. Chỉ khi Đồng Tổng Giám đốc Trung tâm phê duyệt tờ trình mới được thực hiện thủ tục tạm ứng kinh phí.

Các nội dung khác thực hiện theo Công văn số 463/TTNDVN-KHKH ngày 11 tháng 3 năm 2020 và Công văn số 1085/TTNDVN-KHKH ngày 22 tháng 4 năm 2020.

Nội dung hướng dẫn đã được Đồng Tổng Giám đốc thông qua. Đề nghị các đơn vị tổ chức thực hiện. / 

Nơi nhận:

- TGD, PTGDKH (để b/c);
- Phòng TC (để phối hợp);
- 02 Chi nhánh;
- 3 Viện, 2 Phân viện;
- Lưu VT, KH. P12.

**TL. TỔNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG KHKH**



Thượng tá Nguyễn Phi Long

ỦY BAN PHỐI HỢP
TRUNG TÂM NHIỆT ĐỐI
VIỆT - NGA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

Số: /QĐ-TTNDVN

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch nghiên cứu và Dự toán kinh phí quỹ chung
đề tài (mã số), nhiệm vụ số năm 2020

ĐỒNG TỔNG GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM NHIỆT ĐỐI VIỆT-NGA

Căn cứ Kế hoạch Nghiên cứu khoa học năm 2020 đã được UBPH về TTND Việt-Nga phê duyệt và đề xuất Kế hoạch nghiên cứu, Dự toán kinh phí quỹ chung đề tài (mã số) “Tên đề tài”, nhiệm vụ số,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch nghiên cứu và Dự toán kinh phí quỹ chung đề tài (mã số) “Tên đề tài”, nhiệm vụ số..... (chi tiết tại Phụ lục I và Phụ lục II).

Điều 2. Cơ quan tài chính hai phía bảo đảm kinh phí Quỹ chung để thực hiện đề tài “mã số”, nhiệm vụ số....., tổng số tiền là đ (bằng chữ). Phòng tài chính phía Việt Nam cấp ứng số tiền là đ (bằng chữ) để thực hiện đề tài. Cơ quan Tài chính Phía Nga có trách nhiệm hoàn lại số tiền là đ (bằng chữ) cho phía Việt Nam và cấp tiền mặt đ (bằng chữ) cho cán bộ Nga chi các khoản công tác phí, tiền ở và tiền đi lại.

Điều 3. Trên cơ sở dự toán năm đã được phê duyệt, Chủ nhiệm đề tài xây dựng đề nghị tạm ứng kinh phí quỹ chung, chịu trách nhiệm thanh quyết toán và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

Điều 4. Phòng Hậu cần kỹ thuật Cơ sở chính, Ban Hậu cần kỹ thuật các Chi nhánh (nếu cần, tùy theo đề tài, nhiệm vụ) bảo đảm phương tiện đi lại cho cán bộ đề tài theo Kế hoạch thực hiện (tại Phụ lục I) đã được phê duyệt.

Điều 5. Đồng chí chủ nhiệm đề tài/nhiệm vụ, thủ trưởng đơn vị chủ trì chịu trách nhiệm trước Đồng Tổng giám đốc Trung tâm về kết quả thực hiện đề tài và an toàn của các thành viên đề tài khi tham gia dã ngoại, nghiên cứu./.

Nơi nhận:

- P.TGĐKKH, TKKH;

.....

- Lưu: VT, KHKH. A1.

ĐỒNG TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặng Hồng Triển

Kuznetsov A.N.

CƠ QUAN TÀI CHÍNH

Chu Đức Thành

Nemtsov A.S.

Социалистическая Республика Вьетнам
Независимость - Свобода - Счастье
**СОВМЕСТНЫЙ РОССИЙСКО-ВЬЕТНАМСКИЙ ТРОПИЧЕСКИЙ
НАУЧНО-ИССЛЕДОВАТЕЛЬСКИЙ И ТЕХНОЛОГИЧЕСКИЙ ЦЕНТР**
ГОЛОВНОЕ ОТДЕЛЕНИЕ
г. Ханой

" _ " _____ 2020 года

№ _____

РАСПОРЯЖЕНИЕ

В соответствии с утвержденным Координационным комитетом Планом НИР на 2020 г. и на основании Плана выполнения работ, Сметы по теме «...», задачи № ...

ПРИКАЗЫВАЕМ:

Статья 1. Утвердить План выполнения работ и Смету по теме «...», задачи №... (Приложения I и II прилагаются).

Статья 2. Бухгалтериям обеих частей произвести оплату расходов на проведение НИР по теме «...» задача № ... в сумме ...цифрами... (...прописью...) донгов СРВ за счет средств Совместной сметы. Бухгалтерии Вьетнамской части Головного отделения произвести оплату работ на общую сумму ...цифрами... (...прописью...) донгов СРВ. Бухгалтерии Российской части Головного отделения возместить Вьетнамской части часть расходов в сумме ...цифрами... (...прописью...) донгов СРВ. Обеспечение российских сотрудников денежными средствами на оплату суточных, проживания и транспортных расходов в сумме ...цифрами... (...прописью...) донгов СРВ произвести за счет средств российской стороны.

Статья 3. На основании утвержденной годовой сметы руководители/ответственные исполнители темы обязаны формировать заявки на получение аванса по Совместной смете, а также предоставлять финансовые и научные отчеты по утвержденным правилам.

Статья 4. Службам МТО Головного отделения (Приморского/Южного отделения) обеспечить транспортные средства участникам темы по указанным в Плане выполнения работ (Приложение I) маршрутам.

Статья 5. На руководителей/ответственных исполнителей темы и начальника ответственного подразделения возлагается ответственность за результативность выполнения работ и безопасность участников темы во время проведения экспедиционных и исследовательских работ.

СОГЕНДИРЕКТОРА ТРОПИЧЕСКОГО ЦЕНТРА

От Российской части

От Вьетнамской части

Кузнецов А.Н.

Данг Хонг Чиен

ГЛАВНЫЕ БУХГАЛТЕРА ТРОПИЧЕСКОГО ЦЕНТРА
От Российской части

От Вьетнамской части

Немцов А.С.

Чу Дык Тхань

Phụ lục I
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTNDVN ngày tháng năm 20...)

KẾ HOẠCH NGHIÊN CỨU NĂM 2020
ĐỀ TÀI (MÃ SỐ), NHIỆM VỤ SỐ.....

1. Tên đề tài

2. Số thứ tự và tên nhiệm vụ trong Kế hoạch NCKH năm 2020

- Nhiệm vụ số 1:

- Nhiệm vụ số 2:

.....

3. Chủ nhiệm đề tài/ nhiệm vụ

- Phía Việt Nam:

- Phía Nga:

4. Đơn vị chủ trì

5. Thời gian thực hiện

6. Địa điểm thực hiện

7. Cán bộ tham gia

TT	Họ và tên	Học vị	Chuyên ngành	Đơn vị	Số hộ chiếu
1					
2					
3					
...					
....					

- Chỉ ghi tên cán bộ tham gia đề tài trong năm 2020.

- Số hộ chiếu chỉ ghi đối với cán bộ phía Nga

8. Mục tiêu đề tài (Ghi rõ mục tiêu cụ thể của đề tài/ nhiệm vụ trong năm 2020, không phải mục tiêu chung của đề tài giai đoạn 5 năm).

9. Phương pháp nghiên cứu

10. Nội dung và thời gian thực hiện

TT	Nội dung công việc	Thời gian	Địa điểm	Người thực hiện
1				
2				
3				

4				
5				
...				

11. Sản phẩm đề tài

- Dạng 1:
- Dạng 2:
- Dạng 3:

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ
(Người thực hiện chính nhiệm vụ)
Phía Việt Nam Phía Nga

THỦ TRƯỞNG
ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ
(Chi nhánh/ Viện/ Phân viện)

PHÒNG
KẾ HOẠCH KHOA HỌC

Ghi chú: Ghi rõ sản phẩm dự kiến của đề tài trong năm 2020

- **Sản phẩm dạng 1** là: Mẫu (model, maket); sản phẩm (Vũ khí, trang bị kỹ thuật; vật liệu; thiết bị, máy móc, dây chuyền công nghệ...)

- **Sản phẩm dạng 2** là: Báo cáo tổng hợp kết quả nhiệm vụ; tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, tính năng chiến - kỹ thuật sản phẩm; nguyên lý ứng dụng; phương pháp; tiêu chuẩn; quy phạm; phần mềm máy tính; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu; Báo cáo phân tích; Tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình,...); đề án, qui hoạch; luận chứng kinh tế - kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm khác

- **Sản phẩm dạng 3** là: Bài báo, sách, giáo trình và các ấn phẩm khác

Приложение I

(к Распоряжению № /QĐ-TTNDVN от / /20.....)

ПЛАН ВЫПОЛНЕНИЯ РАБОТ НА 2020 г.

по теме, задачи №.....

1. Название темы: “ ”.

2. Номер и название задач в соответствии с Планом НИР 2020 г.

№ 1.

№ 2.

.....

3. Научные руководители/ ответственные исполнители темы

От РЧ: /.....

От ВЧ:/.....

4. Ответственное структурное подразделение Тропического центра

5. Срок выполнения работ

6. Место проведения работ

7. Участники работы

№	Фамилия И.О.	Учёное звание	Специальность	Организация	Номер паспорта (для рос. специалистов)
1					
2					
3					
....					
....					

8. Цель темы/задачи

- Указать конкретные цели НИР в 2020 году, а не общую цель темы на 2020-2024 гг.

9. Методы проведения работ

10. План-график выполнения темы/задачи

№	Содержание работ	Дата	Место проведения	Исполнители
1				
2				
3				
...				

10. Ожидаемые результаты темы/задачи

- Первый вид:
- Второй вид
- Третий вид:

РУКОВОДИТЕЛЬ ТЕМЫ (ЗАДАЧИ)/
Ответственные исполнители темы (задачи)
ОТ РЧ. ОТ ВЧ.

НАЧАЛЬНИК
ОТВЕТСТВЕННОГО
ПОДРАЗДЕЛЕНИЯ

НАУЧНО-ПЛАНОВЫЙ
ОТДЕЛ

Примечание: необходимо охарактеризовать ожидаемые результаты темы в 2020 году по нижеописываемым видам:

- **Первый вид:** модели, макеты, продукция (вооружение, техники; материалы; оборудования; технологические линии...);
- **Второй вид:** итоговый отчет о НИР; документы для проектирования; новые методы; стандарты; компьютерные программы; схемы, картографический материал; новые данные, базы данных; аналитический отчет; документы для прогнозирования (методы, способы, процедуры, модели,...); проекты, планы; технико-экономическое обоснование, отчет по исследованию выполнимости и другие результаты;
- **Третий вид:** научные, научно-технические статьи; сборники, монографии, атласы, учебные пособия, методические пособия, рекомендации и другие печатные продукции.

Phụ lục II

(Kèm theo quyết định số /QĐ-TTNDVN ngày tháng năm 20...)

DỰ TOÁN KINH PHÍ QUỸ CHUNG NĂM 20...**Đề tài (Mã số), nhiệm vụ số**

STT	Nội dung và dự toán chi phí	Tổng số
I.	Phần chi của Phía Việt Nam	
1	Công tác phí cho cán bộ Việt Nam: - Chuyến 1:	
2	Tiền ở cho cán bộ Việt Nam - Chuyến 1:	
3	Tiền vé (máy bay/tàu/(khác) của cán bộ VN - Chuyến 1:	
4	<i>Nguyên vật liệu, năng lượng</i> ...	
5	<i>Trang thiết bị phục vụ NCKH</i> ...	
6	Chi khác	
	Tổng (I):	
II.	Phần chi của Phía Nga (<i>Nguyên vật liệu, năng lượng, trang thiết bị phục vụ NCKH</i>)	
1	...	
2	...	
3	...	
...	...	
	Tổng (II):	
III.	Tổng (I) + (II)	
IV.	Phần chi của Phía Nga (<i>công tác phí, tiền ở, tiền đi lại- dự trừ theo từng chuyến công tác</i>)	
1	Công tác phí cho cán bộ Nga ...	
2	Tiền ở cho cán bộ Nga ...	
3	Tiền vé (máy bay/tàu/khác) của cán bộ Nga ...	

STT	Nội dung và dự toán chi phí	Tổng số
	Tổng (IV):	
V.	TỔNG CỘNG: (III) + (IV) <i>(bằng chữ)</i>	

Chủ nhiệm đề tài/nhiệm vụ
(Người thực hiện chính)
Phía Việt Nam Phía Nga

Thủ trưởng đơn vị chủ trì

Cơ quan tài chính
Phía Việt Nam Phía Nga

Phòng Kế hoạch khoa học

Приложение II
(к Распоряжению № /QĐ-TTNDVN от / /20.....)

СОВМЕСТНАЯ СМЕТА НА 2020 г.
на работу по теме ----- (задачи №)

№	Содержание работ и расчёт расходов	Сумма (донг СРВ)
I	Расходы вьетнамской стороны	
1	Суточные вьетнамским участникам экспедиции: - Экспедиция 1:	
2	Проживание вьетнамских участников - Экспедиция 1:	
3	Приобретение а/билетов - Экспедиция 1:	
	
4	Сырье, материалы, энергия	
5	Оборудование, техника	
6	Непредвиденные расходы	
	Итого по разделу I:	
II	Расходы российской стороны (на проведение НИР)	
1	...	
2	...	
3	...	
	Итого по разделу II:	
III	ИТОГО (раздел I + раздел II)	
IV	Расходы российской стороны (суточные, проживание, транспортные расходы)	
1	Суточные российским участникам экспедиции:	

№	Содержание работ и расчёт расходов	Сумма (донг СРВ)
2	Проживание российских участников	
3	Приобретение а/билетов	
V	ИТОГО (III+IV):	
	<i>(Прописью-----)</i>	

Руководители темы/задачи
(Ответственные исполнители)
от российской части от вьетнамской части

Начальник
Ответственного подразделения
От РЧ От ВЧ

Бухгалтерский отдел
от российской части от вьетнамской части

Научно-плановый отдел

TRUNG TÂM NHIỆT ĐỚI VIỆT – NGA
РОССИЙСКО – ВЬЕТНАМСКИЙ ТРОПИЧЕСКИЙ ЦЕНТР

PHÊ DUYỆT CỦA ĐỒNG TỔNG GIÁM ĐỐC
УТВЕРЖДЕНИЕ СОГЕНДИРЕКЦИИ

 ký, đóng dấu /подпись

 ký, đóng dấu /подпись

Ngày _____ tháng _____ năm _____
 Дата _____ месяц _____ год _____

GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG QUỸ CHUNG
ЗАЯВКА НА ПОЛУЧЕНИЕ АВАНСА ПО СОВМЕСТНОЙ СМЕТЕ

Kính gửi (K).....

Tôi là (Ф.И.О. получателя аванса)

Thuộc đơn vị (отдел, лаборатория)

Đề nghị tạm ứng số tiền (прошу выдать аванс)(Bằng số/цифрами)

.....(Bằng chữ/прописью)

Trong đó (в частности):

- Phần chi phía Việt Nam (Расходы вьетнамской части):(Bằng số/цифрами)

.....(Bằng chữ/прописью)

- Phần chi phía Nga (Расходы российской части):(Bằng số/цифрами)

.....(Bằng chữ/прописью)

Thuộc khoản kinh phí (статья темы)

Quyết định số (Распоряжение №):.....

Lý do chi (цель аванса)

Hồ sơ kèm theo gồm (прилагающиеся документы):

1) Phụ lục (Приложение)

.....

Cơ Quan Tài Chính
Глав. Бухгалтер
 Phía VN/VЧ Phía Nga/PЧ

Phòng Kế hoạch khoa học
Научно-плановый отдел

Thủ trưởng Đơn vị chủ trì
Начальник Подразделения

Người Đề Nghị
Получатель

Kế toán thực cấp (выдал кассир):

- Số tiền(сумма):.....

- Lệnh chi số(rасходный №).....

TRUNG TÂM NHIỆT ĐỚI VIỆT – NGA
РОССИЙСКО – ВЬЕТНАМСКИЙ ТРОПИЧЕСКИЙ ЦЕНТР

PHÊ DUYỆT CỦA ĐỒNG GIÁM ĐỐC
УТВЕРЖДЕНИЕ СОДИРЕКЦИИ

ký, đóng dấu /подпись

ký, đóng dấu /подпись

Ngày _____ tháng _____ năm _____
Дата _____ месяц _____ год _____

GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG QUỸ CHUNG
ЗАЯВКА НА ПОЛУЧЕНИЕ АВАНСА ПО СОВМЕСТНОЙ СМЕТЕ

Kính gửi (K).....

Tôi là (Ф.И.О. получателя аванса)

Thuộc đơn vị (отдел, лаборатория)

Đề nghị tạm ứng số tiền (прошу выдать аванс)(Bằng số/цифрами)

.....(Bằng chữ/прописью)

Trong đó (в частности):

- Phần chi phía Việt Nam (Расходы вьетнамской части):(Bằng số/цифрами)

.....(Bằng chữ/прописью)

- Phần chi phía Nga (Расходы российской части):(Bằng số/цифрами)

.....(Bằng chữ/прописью)

Thuộc khoản kinh phí (статья темы)

Quyết định số (Распоряжение №):.....

Lý do chi (цель аванса)

Hồ sơ kèm theo gồm (прилагающиеся документы):

1) Phụ lục (Приложение)

.....

Ban Tài Chính
Бухгалтер отделения

Ban Kế hoạch khoa học
Научно-плановый
подотдел

Giám đốc Chi nhánh
Директор отделения

Người Đề Nghị
Получатель

Phía VN/BЧ

Phía Nga/PЧ

Kế toán thực cấp (выдал кассир):

- Số tiền(сумма):.....

- Lệnh chi số(расходный №).....

Phụ lục

(Kèm theo Giấy đề nghị tạm ứng quỹ chung ngày tháng năm 20...)

Đề tài (Mã số), nhiệm vụ số

STT	Nội dung và dự toán chi phí	Tổng số
I.	Phần chi của Phía Việt Nam	
1	Công tác phí cho cán bộ Việt Nam: - Chuyến 1:	
2	Tiền ở cho cán bộ Việt Nam - Chuyến 1:	
3	Tiền vé (máy bay/tàu/(khác) của cán bộ VN - Chuyến 1:	
4	<i>Nguyên vật liệu, năng lượng</i> ...	
5	<i>Trang thiết bị phục vụ NCKH</i> ...	
6	Chi khác	
	Tổng (I):	
II.	Phần chi của Phía Nga (<i>Nguyên vật liệu, năng lượng, trang thiết bị phục vụ NCKH</i>)	
1	...	
2	...	
3	...	
...	...	
	Tổng (II):	
III.	Tổng (I) + (II)	
IV.	Phần chi của Phía Nga (<i>công tác phí, tiền ở, tiền đi lại- dự trừ theo từng chuyến công tác</i>)	
1	Công tác phí cho cán bộ Nga ...	
2	Tiền ở cho cán bộ Nga ...	
3	Tiền vé (máy bay/tàu/khác) của cán bộ Nga ...	
	Tổng (IV):	
V.	TỔNG CỘNG: (III) + (IV) <i>(bằng chữ)</i>	

ПРИЛОЖЕНИЕ/ PHỤ LỤC

(K Распоряжению №/Kèm theo Quyết định số от/ngày / /2020 г.)

**ЗАЯВКА НА ПРИОБРЕТЕНИЕ НАУЧНОГО ОБОРУДОВАНИЯ ПО ТЕМЕ.....
ĐỀ NGHỊ MUA SẴM TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ ĐỀ TÀI.....**

№	Наименование оборудования, тип, шифр Tên hàng hóa, chủng loại, mã số	Назначение оборудования Mục đích sử dụng	Кол-во Số lượng	Цена за единицу, млн. донгов CPB Đơn giá (đ)	Общая сумма, млн. донгов CPB Thành tiền	Фирма- производитель Hãng sản xuất
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>
I	Расходы Российской части/ Phần chi của Phía Nga					
1						
2						
...						
II	Расходы Вьетнамской части/ Phần chi của Phía Việt Nam					
1						
2						
...						
	Тổng cộng/ ИТОГО					

Руководители/ответственные исполнители темы
Chủ nhiệm đề tài/Người thực hiện chính
PC/Phía Nga BC/Phía Việt Nam

Начальник подразделения
Thủ trưởng đơn vị

Начальник НПО
Trưởng phòng KHKN

Главные бухгалтеры
Cơ quan tài chính
PC/Phía Nga BC/Phía Việt Nam

TRUNG TÂM NHIỆT ĐỐI
VIỆT-NGA
ĐƠN VỊ ... (trực thuộc Trung tâm)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /DT-...

....., ngày tháng năm 20...

DỰ TOÁN

Kinh phí nhiệm vụ thuộc kế hoạch NCKH
hỗ trợ Việt- Nga năm 20...

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên nhiệm vụ:

Nhiệm vụ số: Thuộc đề tài: ...(mã số)....

2. Đơn vị chủ trì:

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ:

II. DỰ TOÁN KINH PHÍ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Trả công lao động (khoa học, phổ thông): Dự toán chi tiết theo thứ tự nội dung nghiên cứu trong kế hoạch					
1.1	Nội dung 1:					
-	C.việc 1: (VD: Tổng quan tài liệu, xây dựng TM: CNNV: 05 ngày)	Ngày	5	0,5662	2,831	
...						
2	Chi khác					
2.1	Hội thảo					
...	...					
2.2	Xét duyệt thuyết minh, đánh giá, nghiệm thu					
...	...					
2.3	Khác					
	- Ấn loát tài liệu, VP phẩm					
	- Dịch tài liệu					

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	- Mua sách, tài liệu, số liệu					
	- ...					
	Cộng (1+2)					

Bằng chữ:

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI/ NHIỆM VỤ

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

THUYẾT MINH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NHIỆM VỤ

1	Tên nhiệm vụ	1a	Số thứ tự nội dung nhiệm vụ <i>(trong Kế hoạch NCKH hỗn hợp Việt-Nga năm 2020)</i>
2	Thời gian thực hiện: tháng (Từ tháng /20... đến tháng /20...)		
3	Tổng kinh phí thực hiện: triệu đồng, trong đó:		
	Nguồn	Kinh phí (triệu đồng)	
	- Từ Quỹ chung		
	- Từ nguồn khác		
4	Chủ nhiệm nhiệm vụ		
	Họ và tên:		
	Ngày, tháng, năm sinh: Nam/ Nữ:		
	Chức danh chuyên môn - kỹ thuật nghiệp vụ:		
	Học hàm, học vị: Chức vụ:		
	Điện thoại:		
	E-mail:		
	Tên đơn vị đang công tác:		
5	Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ		
	Tên đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ:		
	Điện thoại: Fax:		
	Website:		
	Địa chỉ:		
	Họ và tên thủ trưởng đơn vị:		
	Số tài khoản:		
	Kho bạc nhà nước/Ngân hàng:		
6	Các đơn vị phối hợp chính thực hiện nhiệm vụ (nếu có)		
	1. Đơn vị 1:		
	Tên đơn vị chủ quản:		
	Điện thoại: Fax:		
	Địa chỉ:		
	Họ và tên thủ trưởng đơn vị:		
	Số tài khoản:		

Ngân hàng:

2. Đơn vị 2:

Tên đơn vị chủ quản:

Điện thoại: Fax:

Địa chỉ:

Họ và tên thủ trưởng đơn vị:

Số tài khoản:

Ngân hàng:

7 Các cán bộ thực hiện nhiệm vụ

(Ghi những người có đóng góp khoa học và chủ trì thực hiện những nội dung chính thuộc đơn vị chủ trì và đơn vị phối hợp tham gia thực hiện nhiệm vụ, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm nhiệm vụ)

TT	Họ và tên, cấp bậc, học hàm, học vị	Đơn vị	Nội dung, công việc chính tham gia	Thời gian làm việc cho nhiệm vụ (Số tháng quy đổi ²)
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				

² Một (01) tháng quy đổi là tháng làm việc gồm 22 ngày, mỗi ngày làm việc gồm 8 tiếng.

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG KH&CN VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

8	Mục tiêu của nhiệm vụ
9	Tình trạng nhiệm vụ <input type="checkbox"/> Mới <input type="checkbox"/> Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả <input type="checkbox"/> Kế tiếp nghiên cứu của người khác
10	Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ

10.1. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của nhiệm vụ

Ngoài nước (Phân tích đánh giá được những công trình nghiên cứu có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ; nêu được những bước tiến về trình độ KH&CN của những kết quả nghiên cứu đó)

Trong nước (Phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu trong nước thuộc lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ, đặc biệt phải nêu cụ thể được những kết quả KH&CN liên quan đến nhiệm vụ mà các cán bộ tham gia nhiệm vụ đã thực hiện. Nếu có các nhiệm vụ cùng bản chất đã và đang được thực hiện ở cấp khác, nơi khác thì phải giải trình rõ các nội dung kỹ thuật liên quan đến nhiệm vụ này; Nếu phát hiện có nhiệm vụ đang tiến hành mà nhiệm vụ này có thể phối hợp nghiên cứu được thì cần ghi rõ Tên nhiệm vụ, Tên Chủ nhiệm nhiệm vụ và đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ đó)

10.2. Luận giải về việc đặt ra mục tiêu và những nội dung cần nghiên cứu của nhiệm vụ

(Trên cơ sở đánh giá tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước, phân tích những công trình nghiên cứu có liên quan, những kết quả mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu nhiệm vụ, đánh giá những khác biệt về trình độ KH&CN trong nước và thế giới, những vấn đề đã được giải quyết, cần nêu rõ những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những hạn chế cụ thể, từ đó nêu được hướng giải quyết mới - luận giải và cụ thể hoá mục tiêu đặt ra của nhiệm vụ và những nội dung cần thực hiện trong nhiệm vụ để đạt được mục tiêu)

11 Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến nhiệm vụ đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan

(Tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những danh mục đã được trích dẫn để luận giải cho sự cần thiết nghiên cứu nhiệm vụ).

.....

.....

.....

.....

.....

12 Nội dung nghiên cứu khoa học, triển khai thực nghiệm của nhiệm vụ và phương án thực hiện

(Liệt kê và mô tả chi tiết những nội dung nghiên cứu và triển khai thực nghiệm phù hợp cần thực hiện để giải quyết vấn đề đặt ra kèm theo các nhu cầu về nhân lực, tài chính và nguyên vật liệu trong đó chỉ rõ những nội dung mới, những nội dung kế thừa kết quả nghiên cứu của các nhiệm vụ trước đó; dự kiến những nội dung có tính rủi ro và giải pháp khắc phục – nếu có).

Nội dung 1:

.....

Nội dung 2:

.....

Nội dung 3:.....

.....

.....

13 Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng

(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sẽ sử dụng gắn với từng nội dung chính của nhiệm vụ; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính mới, tính độc đáo, tính sáng tạo của nhiệm vụ)

Cách tiếp cận:

.....

Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:

.....

.....

Tính mới, tính độc đáo, tính sáng tạo:

.....

14 Phương án phối hợp với các tổ chức, đơn vị nghiên cứu và cơ sở sản xuất trong nước

(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên các tổ chức, đơn vị phối hợp chính tham gia thực hiện nhiệm vụ và nội dung công việc tham gia trong nhiệm vụ, kể cả các cơ sở sản xuất hoặc những người sử dụng kết quả nghiên cứu; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính, cơ sở hạ tầng-nếu có).

15 Phương án hợp tác quốc tế (nếu có)

(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác- đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ nhiệm vụ; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của nhiệm vụ)

16 Tiến độ thực hiện				
	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu	Kết quả phải đạt	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Cá nhân, tổ chức thực hiện*
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Nội dung 1			
	- Công việc 1			
	- Công việc 2			
2	Nội dung 2			
	- Công việc 1			
	- Công việc 2			

* Chỉ ghi những cá nhân có tên tại Mục 7

III. SẢN PHẨM KH&CN CỦA NHIỆM VỤ

17 Sản phẩm KH&CN chính của nhiệm vụ và yêu cầu chất lượng cần đạt (Liệt kê theo dạng sản phẩm)						
Dạng I: Mẫu (model, maket); sản phẩm (Vũ khí, trang bị kỹ thuật; vật liệu; thiết bị, máy móc, dây chuyền công nghệ...)						
Số TT	Tên sản phẩm cụ thể và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm	Đơn vị tính	Mức chất lượng cần đạt			Dự kiến số lượng/quy mô sản phẩm tạo ra
			Cần đạt	Mẫu tương tự (theo các tiêu chuẩn mới nhất)		
				Trong nước	Thế giới	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Dạng II: Báo cáo tổng hợp kết quả nhiệm vụ; tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, tính năng chiến -						

kỹ thuật sản phẩm; nguyên lý ứng dụng; phương pháp; tiêu chuẩn; quy phạm; phần mềm máy tính; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu; Báo cáo phân tích; Tài liệu dự báo (*phương pháp, quy trình, mô hình,...*); đề án, qui hoạch; luận chứng kinh tế - kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm khác

TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)

Dạng III: Bài báo, sách, giáo trình và các ấn phẩm khác

Số TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Dự kiến nơi công bố (Tạp chí, Nhà xuất bản)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

17.1. Kết quả tham gia đào tạo

T T	Cấp đào tạo	Số lượng	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sau đại học			
2	Đại học			
3	Đào tạo, huấn luyện đội ngũ chuyên môn kỹ thuật			

17.2. Sản phẩm dự kiến đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, sở hữu trí tuệ, giải pháp hữu ích, sáng kiến cải tiến kỹ thuật:

.....

18 Phạm vi và địa chỉ (dự kiến) ứng dụng các kết quả của nhiệm vụ

.....

19 Tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu

19.1 Đối với quân sự, quốc phòng, kinh tế - xã hội và môi trường

(Nêu những tác động dự kiến của kết quả nghiên cứu đối với quân sự, quốc phòng, sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường)

.....

19.2 Đối với lĩnh vực KH&CN có liên quan

(Nêu những dự kiến đóng góp vào các lĩnh vực khoa học công nghệ ở trong nước và quốc tế)

19.3 Đối với đơn vị chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu

V. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ VÀ NGUỒN KINH PHÍ

(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

26	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ phân theo các khoản chi					
	Nguồn kinh phí	Tổng số	Trong đó			
Trả công lao động (khoa học, phổ thông)			Nguyên, vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Chi khác	
1	2	3	4	5	6	7
	Tổng kinh phí					
	<i>Trong đó:</i>					
1	Ngân sách Quỹ chung:					
	- Năm thứ nhất*:					
	- Năm thứ hai*:					
	- Năm thứ ba*:					
2	Nguồn khác (vốn huy động, ...)					

(Địa danh), ngày..... tháng năm 20....

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ

(Họ, tên và chữ ký)

(Địa danh), ngày..... tháng năm 20....

ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ

THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

(Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)

(Địa danh), ngày..... tháng năm 20....

TỔNG GIÁM ĐỐC

GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

Khoản 1. Công lao động (khoa học, phổ thông)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung lao động <i>Dự toán chi tiết theo thứ tự nội dung nghiên cứu nêu tại mục 12 của thuyết minh</i>	Tổng số		Nguồn vốn								
		Mục chi	Tổng	Ngân sách Quỹ chung			Khác					
				Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=(6+7+8)</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9=(10+11+12)</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>	
1	Nội dung 1											
	- Công việc 1											
	- Công việc 2											
2	Nội dung 2											
	- Công việc 1											
	- Công việc 2											
	Tổng cộng											

Khoản 2. Nguyên vật liệu, năng lượng

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn							
						Ngân sách Quỹ chung				Khác			
						Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	2	3	4	5	6	$7=(8+9+10)$	8	9	10	$11=(12+13+14)$	12	13	14
1	Nguyên, vật liệu (Dự toán chi tiết theo thứ tự nội dung nghiên cứu nêu tại mục 16 của thuyết minh)												
2	Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng												
3	Năng lượng, nhiên liệu												
	- Than												
	- Điện	kW/h											
	- Xăng, dầu												
	- Nhiên liệu khác												
4	Nước	m ³											
5	Mua sách, tài liệu, số liệu												
Cộng:													

Khoản 3. Thiết bị, máy móc

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn							
						Ngân sách Quỹ chung			Khác				
						Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	2	3	4	5	6	$7=(8+9+10)$	8	9	10	$11=(12+13+14)$	12	13	14
I	<i>Thiết bị hiện có tham gia thực hiện nhiệm vụ⁵</i>												
II	<i>Thiết bị, công nghệ mua mới</i>												
III	<i>Thuê thiết bị (ghi tên thiết bị, thời gian thuê)</i>												
IV	<i>Vận chuyển lắp đặt</i>												

⁵ Chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí của Khoản 3.

Khoản 4. Chi khác

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số		Nguồn vốn							
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Ngân sách Quỹ chung				Khác			
				Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	2	3	4	$5=(6+7+8)$	6	7	8	$9=(10+11+13)$	10	11	12
1	Công tác trong nước (địa điểm, thời gian, số lượt người)										
2	Hợp tác quốc tế										
a	Đoàn ra (nước đến, số người, số ngày, số lần,...)										
b	Đoàn vào (số người, số ngày, số lần...)										
3	Kinh phí quản lý (của cơ quan chủ trì)										
4	Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ, nghiệm thu các cấp										
	- Chi phí kiểm tra nội bộ										
	- Chi phí nghiệm thu trung gian										
	- Chi phí nghiệm thu ở cấp quản lý nhiệm vụ										
5	Chi khác										

TT	Nội dung	Tổng số		Nguồn vốn							
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Ngân sách Quỹ chung			Khác				
				Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	2	3	4	$5=(6+7+8)$	6	7	8	$9=(10+11+13)$	10	11	12
	- Hội thảo										
	- Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm										
	- Dịch tài liệu										
	- Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ										
	- Khác										
	Cộng										